

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS-PT

Ngày: 23-02-2024

V/v tranh chấp đòi lại
tài sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các thẩm phán: Ông Võ Đình Phương

Ông Nguyễn Trung Tín

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp đòi lại tài sản thừa kế*"

Do Bản án sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày: 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7A/2024/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn L, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê C, sinh năm 1952 và ông Lê N, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Lê C ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lê N. Ông Lê N có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị T1, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Dương Văn T2, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

3. Bà Dương Thị T3, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

4. Ông Dương Minh T4, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

5. Bà Dương Thị T5, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

6. Bà Dương Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Bà Dương Thị T1, ông Dương Văn T2, bà Dương Thị T3, ông Dương Minh T4, bà Dương Thị T5 và bà Dương Thị L đều ủy quyền cho nguyên đơn ông Dương Văn T. Có mặt.

7. Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê C và ông Lê N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Văn T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất mà nguyên đơn ông Dương Văn T đang tranh chấp với bị đơn là của mẹ ông T là bà Ngô Thị Á (chết năm 2020) để lại, đất do Nhà nước cấp cho bà Á theo Nghị định 64. Năm 2005, trong lúc gia đình ông Dương Văn T đang gặp khó khăn, ông Lê C đề nghị bà Á cho ông C thuê lại thửa đất trên với giá 1.000.000 đồng trong thời hạn 10 năm để canh tác, hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng. Sau khi thuê đất, ông Lê C nói với bà Á đưa cho ông C bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông thuận tiện cho việc đóng thuế, phí trong quá trình thuê đất; vì tin tưởng nên bà Á đã giao cho ông C bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến năm 2015, khi hết thời hạn thuê đất, bà Á đã nhiều lần yêu cầu ông C trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông C không trả và nói rằng bản chính sổ đỏ đã được ông C thế chấp cho ông Nguyễn Thành V. Khi bà Á đến gặp ông V để nói chuyện thì ông V nói đã làm mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2020, bà Ngô Thị Á mất. Trước khi mất, bà Á yêu cầu các con phải đòi lại phần diện tích đất trên. Nay, ông T và các đồng thừa kế của bà Ngô Thị Á yêu cầu ông Lê N và ông Lê C phải trả lại thửa đất số 1272, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C cho các đồng thừa kế của bà Ngô Thị Á.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê C, ông Lê N trình bày:

Vào năm 2000, ông Lê N có mua của bà Ngô Thị Á là người cùng thôn diện tích ruộng khoảng 500m² thuộc xứ đồng H, mua không lập giấy tờ mà bà Á giao cho ông N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa ruộng này. Ông N sản xuất được 02 vụ (01 năm) thì để lại cho ông C sản xuất. Ông Lê C canh tác trên diện tích đất này liên tục từ năm 2000 cho đến nay. Năm 2003, vì kẹt vốn làm ăn, ông Lê C thế chấp sổ đỏ trên cho ông Nguyễn Thành V để vay tiền mà chưa kịp làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Quá trình thế chấp kéo dài ông V đã để thất lạc mất sổ đỏ nêu trên. Vì vậy, ông Lê C và ông Lê N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị T1, ông Dương Văn T2, bà Dương Thị T3, ông Dương Minh T4, bà Dương Thị T5 và bà Dương Thị L đều thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành V trình bày:

Vào khoảng năm 2002, 2003, gia đình của ông Lê C đến cửa hàng của ông V để mua vật tư nông nghiệp (thuốc, phân bón...); do không đủ tiền trả vật tư, ông C đề nghị được mua nợ và giao cho ông V 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ngô Thị Ánh . Hai bên tin tưởng trao đổi bằng miệng và không lập bất cứ giấy tờ gì. Ông V giữ sổ đỏ khoảng 01 năm thì ông C mang tiền đến trả nợ và nhận sổ đỏ về. Hai bên giao trả sổ đỏ, không lập biên bản. Vì vậy, ông V không có yêu cầu và ý kiến gì khác, ông không có liên quan gì đến việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V xác định ông đã làm mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Bản án sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ Điều 166, Điều 612, Điều 613, Điều 649 và Điều 651 Bộ luật Dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Ngô Thị Á gồm: bà Dương Thị T3, bà Dương Thị L, bà Dương Thị T1, bà Dương Thị T5, ông Dương Minh T4, ông Dương Văn T2 và ông Dương Văn T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn T đối với bị đơn ông Lê C và ông Lê N về việc tranh chấp đòi lại tài sản là di sản thừa kế.

- Buộc ông Lê C và ông Lê N phải trả lại cho các đồng thừa kế của bà Ngô Thị Á 01 thửa đất số 1272, tờ bản đồ số 3, diện tích 460,7m² tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa có đông tây tứ cận như sau: phía Bắc giáp đất

bà H, phía Nam giáp đường bê tông, phía Tây giáp đất ông Mười L1, phía Đông giáp đường bê tông (Có bản vẽ kèm theo).

- Các đồng thừa kế của bà Ngô Thị Á phải thanh toán lại cho ông Lê C và ông Lê N số tiền 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: ông Lê C và ông Lê N phải trả lại cho ông Dương Văn T số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

4. Về án phí:

- Ông Lê C và ông Lê N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đồng thừa kế của bà Ngô Thị Á phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Dương Văn T 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2020/0001890 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm.

Ngày 18/9/2023, bị đơn ông Lê C và ông Lê N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, Chi nhánh Văn phòng Đ tại C cung cấp cho Tòa án hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1272, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa và thông tin về tình trạng pháp lý hiện nay của thửa đất, theo đó, thửa đất trên được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng lần đầu cho bà Ngô Thị Á theo Quyết định số 108/QĐ-UB ngày 04/6/1999, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là 1066 và hiện nay, thửa đất chưa được cấp đổi, chưa chuyển quyền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

1. Bị đơn ông Lê C và Lê N trả lại thửa đất số 1272, tờ bản đồ số 3, diện tích đo thực tế 460,7m², tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa cho nguyên đơn và những người thừa kế của bà Ngô Thị Á; nguyên đơn và những người thừa kế của bà Ngô Thị Á phải thanh toán lại cho bị đơn 10.000.000 đồng (bị đơn đã nhận đủ 10.000.000 đồng ngay tại phiên tòa phúc thẩm); nguyên đơn và những người thừa kế của bà Á được quyền sở hữu 08 cây dừa còn lại trên đất (các đương sự xác nhận là sau khi có bản án sơ thẩm, bị đơn đã bứng dời các cây bưởi và xoài trên đất, hiện trên đất chỉ còn 08 cây dừa).

2. Nguyên đơn chịu chi phí tố tụng 15.000.000đ và đã đóng đủ.

3. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí. Bị đơn xin được miễn án phí vì là người cao tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 300 sửa bản án sơ thẩm, công

nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như nêu trên. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái pháp luật nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Bị đơn được miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm vì là người cao tuổi theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

1. Ông Lê C và Lê N trả lại cho ông Dương Văn T, bà Dương Thị T1, ông Dương Văn T2, bà Dương Thị T3, ông Dương Minh T4, bà Dương Thị T5 và bà Dương Thị L thửa đất số 1272, tờ bản đồ số 3, diện tích 460,7m², tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa có tứ cận như sau: Bắc giáp đất bà H, Nam giáp đường bê tông, phía Tây giáp đất ông Mười L1, Đông giáp đường bê tông (Có bản vẽ thửa đất kèm theo bản án).

Ông Dương Văn T, bà Dương Thị T1, ông Dương Văn T2, bà Dương Thị T3, ông Dương Minh T4, bà Dương Thị T5 và bà Dương Thị L phải thanh toán cho ông Lê C và ông Lê N 10.000.000 đồng và được quyền sở hữu 08 cây dừa còn lại trên thửa đất số 1272 nêu trên. Ông Dương Văn T, bà Dương Thị T1, ông Dương Văn T2, bà Dương Thị T3, ông Dương Minh T4, bà Dương Thị T5 và bà Dương Thị L đã thanh toán đủ 10.000.000 đồng cho ông Lê C và ông Lê N tại phiên tòa phúc thẩm.

2. Chi phí tố tụng: Ông Dương Văn T phải chịu 15.000.000 đồng chi phí tố tụng và đã đóng đủ.

3. Án phí:

3.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Lê C và ông Lê N. Trả lại cho ông Lê C và ông Lê N mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002376 và số AA/2022/0002377 cùng ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm.

3.2. Trả lại cho ông Dương Văn T 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0001890 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm.

Qui định chung: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Các đương sự; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;

- TAND huyện Cam Lâm;

- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;

- Lưu: VP, Tòa DS, hồ sơ vụ án.

Lê Thị Hiền